TÒA ÁN NHÂNDÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2018/DS-PT.
Ngày 13/11/2018.
V/*v: "Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vô hiệu"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.
Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng;
Ông Nguyễn Gia Lương.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Đình Hưng - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2018/TLPT-DS ngày 27/8/2018 về: "Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vô hiệu".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 19/6/2018 của Toà án nhân dân huyện V có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 96/2018/QĐ-PT ngày 28/9/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/QĐ-PT ngày 17/10/2018 giữa:

***Nguyên đơn** :Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, vắng mặt.
Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990- Chồng chị H, có mặt.
Cùng địa chỉ: Số nhà M, Khu Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1973, vắng mặt;
Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1974 –Vợ ông Ng, vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Khu X, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*:**

1. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Trần Văn H1-Chủ tịch UBND xã là người đại diện theo pháp luật;

2. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Nguyễn Văn Ph - Phó chủ tịch UBND huyện là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/01/2018) ;

3.Văn phòng Công chứng H.

Do ông Giáp Văn Ch là người đại diện theo pháp luật;

Địa chỉ: Khu M, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Đồng Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C đều trình bày:** Khoảng tháng 5/2017, vợ chồng anh chị đã mua thửa đất số 59, tờ bản đồ số 00, diện tích là 113,08m^2, tại thôn Kh, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Nh. Vợ chồng anh chị và vợ chồng ông Ng, bà Nh đã đến Văn phòng Công chứng H, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang lập Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và thực hiện việc công chứng của Hợp đồng. Trước khi mua đất của vợ chồng ông Ng, anh chị đã hỏi vợ chồng ông Ng về các thông tin của thửa đất. Ông Ng đã cho anh chị xem Giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất và Giấy xác nhận tình trạng thửa đất cụ thể là: Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Đỗ Danh Th đã được chỉnh lý trang 4 tên của ông Ng và bà Nh; Giấy xác nhận tình trạng thửa đất do UBND xã Quảng Minh xác nhận là: "Đất không có tranh chấp". Vì tin tưởng vợ chồng ông Ng, bà Nh nên vợ chồng anh chị đã đồng ý mua thửa đất trên với giá 800.000.000 đồng. Ngày 17/5/2017, vợ chồng anh chị đã làm thủ tục đăng ký biến động đối với thửa đất trên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Giấy chứng nhận QSDĐ đã chỉnh lý trang 4 mang tên vợ chồng anh chị. Ngày 25/5/2017, anh chị đã làm thủ tục thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ trên tại Ngân hàng Sea Bank – Chi nhánh B để vay tiền. Khoảng tháng 12/2017, anh chị đã làm thủ tục tất toán Hợp đồng vay tiền và làm thủ tục xóa thế chấp đối với thửa đất trên. Sau đó anh chị đã tiến hành san lấp mặt bằng thì bị một số người dân trong thôn ngăn cản. Vì lý do đất đang có tranh chấp nên anh chị đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa vợ chồng anh chị với vợ chồng ông Ng, bà Nh là vô hiệu.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Ng đã nhận Thông báo thụ lý của Tòa án nhưng không đến Tòa án để làm việc và không có bản tự khai.

Đồng và bà Lê Thị Nh trình bày: Bà là vợ ông Ng, mọi việc liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất trên là do ông Ng tiến hành. Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ bất kì thông tin gì, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Cừ và chị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Văn phòng công chứng H do ông Giáp Văn Ch đại diện theo pháp luật trình bày: Việc xác lập Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C và vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng, bà Lê Thị Nh đối với thửa đất số X, tờ bản đồ số 00 có địa chỉ tại thôn Kh, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang được thực hiện tại Văn phòng công chứng H. Khi xác lập Hợp đồng thì các bên có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết. Như vậy, Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa các bên đã được tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã Q do ông Trần Văn H1 - Chủ tịch UBND xã là người đại diện theo pháp luật trình bày: Ngày 08/5/2017, UBND xã đã xác nhận tình trạng của thửa đất số X, tờ bản đồ số 00 có địa chỉ tại thôn Kh, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang có nội dung "Đất không có tranh chấp" là đúng quy định của pháp luật. Khi đến làm thủ tục xin cấp Giấy xác nhận tình trạng thửa đất thì ông Ng đã xuất trình đầy đủ các giấy tờ cần thiết.Tại thời điểm đó thửa đất trên được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Nh. Đất hiện không có tranh chấp về ranh giới hay QSDĐ với bất cứ cá nhân nào. Trước đó thửa đất này có đơn thư khiếu nại của công dân về việc UBND xã làm thủ tục đề nghị UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Đỗ Danh Th (chủ cũ của thửa đất). Nhưng việc khiếu nại của công dân đã được UBND xã Q giải quyết xong và công dân đó cung không có khiếu nại gì tới UBND xã nữa. UBND xã Quảng Minh cũng không nhận được bất kì thông báo nào của Cơ quan cấp trên hoặc Cơ quan chuyên môn về việc tiếp nhận hay giải quyết đơn thư của công dân về việc tranh chấp thửa đất trên.

Ủy ban nhân dân huyện V do ông Nguyễn Văn Ph đại diện theo ủy quyền trình bày: Thực chất thửa đất số X, tờ bản đồ số 00, diện tích 113,08m^2 là do thôn Kh, xã Q giao đất trái thẩm quyền cho ông Th. Như vậy với nội dung đó thì Việc UBND xã Q lập hồ sơ đề nghị UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất trên là chưa đúng quy định của pháp luật. Giấy chứng nhận QSDĐ mà UBND huyện V đã cấp cho ông Th cũng là trái với quy định của Luật đất đai và cần thiết phải thu hồi. Nhưng ông Th đã chuyển nhượng QSDĐ

cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng, bà Lê Thị Nh. Theo điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013 đã quy định:

"Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định".

Theo quy định trên thì Giấy chứng nhận QSDĐ đất do UBND huyện V đã cấp cho ông Th (cấp trái quy định) nhưng ông Thắng đã chuyển nhượng cho người khác thì UBND huyện V không thể thu hồi lại được. Do UBND xã Q đã xác định không thể thu hồi được Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Th nên UBND xã Q đã xác nhận tình trạng thửa đất là "Đất không có tranh chấp", từ đó dẫn đến việc vợ chồng ông Ng, bà Nh đã chuyển nhượng QSDĐ cho vợ chồng anh C và chị H ngày 17/5/2017. Tại thời điểm đó thì việc UBND xã Q đã xác nhận tình trạng thửa đất là "đất không có tranh chấp" cho ông Nguyễn Văn Ng là chưa đúng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 131 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Ng, bà Lê Thị Nh ngày 17/5/2017 vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Nh phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C làm thủ tục xóa đăng ký chỉnh lý để trả lại QSDĐ cho ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Nh theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị Nh phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2012/04596 ngày 30/6/2017 và số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04807 ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/7/2018, ông Nguyễn Văn Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 06 ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 17/7/2018 VKSND tỉnh Bắc Giang kháng nghị bản án với bản án sơ thẩm nói trên về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết hậu quả của Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vô hiệu. Theo đó ông Ng, bà Nh phải trả cho vợ chồng chị H, anh C 800.000.000 đồng nhưng không buộc ông Ng, bà Nh phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền trên là không đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ nhưng ngày 02/3/2018, chị H lại lại có đơn xin rút yêu cầu này nhưng phần nhận định bản án và phần Quyết định của bản án cũng không giải quyết những vấn đề này là vi phạm khoản 2 Điều 244; điểm c khoản 2 Điều 266 BLTTDS.

Tại phiên tòa, anh C là Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị H là vợ anh C vắng mặt; ông Ng bà bà Nh là Bị đơn đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập 2 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

+Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

-Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

-Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang sửa bản án sơ thẩm cụ thể như sau:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Ng;

Sửa án sơ thẩm về việc buộc ông Ng và bà Nh phải chịu 36.300.000 đồng án phí DSST;

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của chị H về việc chị H đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên chị H và anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/7/2018, ông Nguyễn Văn Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 06 ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Ông Ng đã được Tòa án đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập 2 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Việc ông Ng vắng mặt tại phiên tòa được coi là từ bỏ kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Ng.

Quyết định của bản án sơ thẩm về việc giải quyết về Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ; Việc giải quyết hậu quả của Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vô hiệu; Lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 13/11/2018.

Do ông Ng từ bỏ kháng cáo nên ông Ng vẫn phải nộp án phí DSPT.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 17/5/2017, vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C và vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng, bà Lê Thị Nh đã lập Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất số X, tờ bản đồ số 00, diện tích là 113,08m^2, tại thôn Kh, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trong đó vợ chồng ông Ng là bên chuyển nhượng, vợ chồng chị H là bên nhận chuyển nhượng; Giá chuyển nhượng là 800.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng, ông Ng đã xuất trình Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Đỗ Danh Th đã được chỉnh lý trang 4 tên của ông Ng ngày 11/6/2008; Giấy xác nhận tình trạng thửa đất do UBND xã Q xác nhận là: "Đất không có tranh chấp". Ngày 17/5/2017, vợ chồng anh C, chị H đã làm thủ tục đăng ký biến động đối với thửa đất trên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Giấy chứng nhận QSDĐ đã chỉnh lý trang 4 mang tên vợ chồng anh C chị H ngày 17/5/2017.

Sau đó vợ chồng anh C, chị H đã tiến hành san lấp mặt bằng thì bị một số người dân trong thôn ngăn cản. Vì lý do đất đang có tranh chấp nên vợ chồng anh C, chị H đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa vợ chồng anh Cừ, chị H với vợ chồng ông Ng, bà Nh là vô hiệu.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Cừ, chị H tuyên Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa vợ chồng anh C, chị H với vợ chồng ông Ng, bà Nh là vô hiệu; Vợ chồng ông Ng, bà Nh phải trả cho vợ chồng anh Cừ, chị H 800.000.000đ.

Ngày 17/7/2018 VKSND tỉnh Bắc Giang kháng nghị bản án với bản án sơ thẩm nói trên về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết hậu quả của Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vô hiệu. Theo đó ông Ng, bà Nh phải trả cho vợ chồng chị H, anh C 800.000.000 đồng nhưng không buộc ông Ng, bà Nh phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền trên là không đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ nhưng ngày 02/3/2018, chị H lại lại có đơn xin rút yêu cầu này nhưng phần nhận định bản án và phần Quyết định của bản án cũng không giải quyết những vấn đề này là vi phạm khoản 2 Điều 244; điểm c khoản 2 Điều 266 BLTTDS.

[3] Xét kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang về phần án phí của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng chị H, anh Cừ là Nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa vợ chồng chị H, anh C với vợ chồng ông Ng, bà Nh là vô hiệu. Ngoài ra vợ chồng chị H còn đề nghị vợ chồng ông Ng bà Bị đơn phải trả cho vợ chồng chị H 800.000.000 đồng là số tiền mua đất mà vợ chồng chị H đã trả cho vợ chồng ông Ng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và quyết định: Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa vợ chồng chị H, anh C với vợ chồng ông Ng, bà Nh ngày 17/5/2017 là vô hiệu; buộc ông Ng, bà Nh phải hoàn trả cho chị H, anh C số tiền 800.000.000 đồng.

Như vậy bản án sơ thẩm đã giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu,

Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì trong trường hợp tranh chấp về Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vô hiệu thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau: Trường hợp một bên yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và một bên yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vô hiệu và có yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu thì ngoài việc chịu án phí không có giá ngạch được quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, người phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản hoặc bồi thường thiệt hại phải chịu án phí như trường hợp vụ án dân sự có giá ngạch đối với giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ.

Căn cứ hướng dẫn nêu trên và căn cứ Danh mục mức án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 thì ông Ng bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (là 300.000 đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (là 20.000.000 đồng + 400.000.000 đồng x 4% = 36.000.000 đồng).

Tổng số tiền ông Ng, bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

36.000.000 đồng + 300.000 đồng = 36.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Ng, bà Nh phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng là không đúng hướng dẫn như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng buộc ông Ng và bà Nh phải nộp 36.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang về việc bàn án sơ thẩm đã không xem xét giải quyết đối với việc rút 1 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận QSDĐ đã được chỉnh lý trang 4 mang tên chị H, anh C ngày 17/5/2017. Chị H cũng đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đối với yêu cầu này. Ngày 02/3/2018, chị H có đơn xin rút yêu cầu này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 244; điểm c khoản 2 Điều 266 BLTTDS, Tòa án cấp sơ thẩm phải ban hành Quyết định đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu này của chị H hoặc Tòa án phải tuyên: Đình chỉ xét xử đối với việc rút 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị H (về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ) trong Quyết định của bản án sơ thẩm.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết vấn đề trên là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm về nội dung trên.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Ng.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ng: Sửa bản án sơ thẩm xử về án phí dân sự sơ thẩm.

I/ Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 19/6/2018 của Toà án nhân dân huyện V có hiệu lực pháp luật (trừ phần án phí DSST) kể từ ngày 13/11/2018.

II/ Án phí DSST:

- Ông Nguyễn Văn Ng, bà Lê Thị Nh phải nộp 36.300.000 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

- Hoàn trả chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04596 ngày 30/6/2017 và số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04807 ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

III/ Án phí DSPT:

Ông Nguyễn Văn Ng phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Ng đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí kháng cáo số AA/2012/05031 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

IV/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị H do chị H xin rút yêu cầu đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Đỗ Danh Thắng được chỉnh lý trang 4 mang tên anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H ngày 17/5/2017.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền